

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/KDTM-PT

Ngày 17-6-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung và bà Nguyễn Thị Bích Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2026/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 03 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2026/KDTM-ST ngày 21/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 402/2026/QĐ-PT ngày 17/05/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L – Chủ hộ kinh doanh, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N; địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – chức vụ: Giám đốc – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị X; địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Lâm Đồng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-10-2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thi L - Chủ hộ kinh doanh trình bày:

Bà Võ Thi L là chủ hộ kinh doanh Võ Thi L, hoạt động trong lĩnh vực thu mua nông sản. Trong các mùa vụ năm 2018-2019, bà thu mua cà phê và tiêu đen xô trong dân rồi gửi tại kho của Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và nhận phiếu gửi kho. Người trực tiếp giao dịch với bà là bà Lê Thị X, vợ ông Lê Thế T1 là Giám đốc Công ty N. Các bên thỏa thuận khi nào bà chốt bán thì tính theo giá thị trường tại thời điểm chốt bán. Sau khi gửi hàng, bà nhiều lần ứng tiền của Công ty N với tổng số tiền tương đương khoảng 70% giá trị hàng hóa đã gửi để có vốn tiếp tục thu mua nông sản và chịu lãi suất từ 0,8% đến 1%/tháng.

Đến năm 2021, bà chốt bán số tiêu đã gửi. Sau khi đối chiếu, tính toán số tiền đã ứng thì xác định bà còn lại khoảng 5.000 kg tiêu đen nhân xô. Bà X đã thanh toán cho bà số tiền 1.000.000 đồng đối với phần tiêu lẻ còn lại; đối với 5.000 kg tiêu đen nhân xô thì ngày 16-3-2021 các bên lập hợp đồng gửi kho, xác nhận bà ký gửi 5.000 kg tiêu đen xô mùa vụ 2018-2019 tại kho của Công ty N, có quy cách, phẩm chất theo nội dung hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng gửi kho, bà đã nhiều lần yêu cầu chốt bán số tiêu nêu trên vào các ngày 31-12-2021, 30-3-2022, 26-6-2022 và 19-12-2023 nhưng bà X và Công ty N đều cho rằng không có tiền thanh toán và xin gia hạn nên các bên không thực hiện được việc chốt bán. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty N, ông Lê Thế T1 và bà Lê Thị X liên đới trả lại cho bà 5.000 kg tiêu đen xô theo đúng quy cách, phẩm chất đã ghi nhận trong hợp đồng gửi kho ngày 16-3-2021.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH N là ông Lê Thế T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X cùng trình bày:

Trong các năm 2017, 2018 và 2019, bà L nhiều lần ký hợp đồng gửi kho để gửi tiêu tại kho của Công ty N. Sau khi ký hợp đồng, bà L được ứng trước số tiền tương đương khoảng 70% giá trị hàng hóa gửi kho với lãi suất khoảng 0,8%/tháng. Khi bà L chốt bán thì các bên sẽ tính toán giá trị hàng hóa đã gửi, đối trừ với số tiền đã ứng và tiền lãi; nếu còn dư thì Công ty N thanh toán cho bà L, nếu thiếu thì bà L phải nộp thêm tiền để tiếp tục gửi giữ hàng hóa trong kho.

Theo ông T1 và bà X, khi giá tiêu giảm xuống khoảng 34.000 đồng/kg thì việc đối trừ công nợ làm phát sinh số tiền âm nên Công ty N yêu cầu bà L nộp thêm tiền để tiếp tục giữ hàng nhưng bà L không thực hiện, dẫn đến Công ty N gặp khó khăn và thua lỗ. Đến ngày 16-3-2021, khi giá tiêu tăng lên khoảng 70.000 đồng/kg, bà L yêu cầu chốt bán số tiêu còn gửi nhưng Công ty N không có khả năng thanh toán

nên các bên thống nhất lập hợp đồng gửi kho ngày 16-3-2021 đối với 5.000 kg tiêu đen xô còn lại.

Ông [T1](#) và bà [X](#) thừa nhận sau khi ký hợp đồng gửi kho ngày 16-3-2021, bà [L](#) nhiều lần yêu cầu chốt bán số tiêu nêu trên nhưng [Công ty N](#) không có tiền thanh toán nên xin gia hạn. Nay bà [L](#) khởi kiện yêu cầu trả lại 5.000 kg tiêu đen xô thì [Công ty N](#) chỉ đồng ý thanh toán số tiền 250.000.000 đồng, tương ứng giá trị 5.000 kg tiêu tính theo đơn giá 50.000 đồng/kg; trường hợp bà [L](#) không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu buộc ông [Lê Thế T1](#) và bà [Lê Thị X](#) liên đới thực hiện nghĩa vụ cùng [Công ty N](#), ông [T1](#) và bà [X](#) không đồng ý vì cho rằng giao dịch được xác lập giữa bà [L](#) và [Công ty N](#) là pháp nhân độc lập, không phải giao dịch với cá nhân ông [T1](#) và bà [X](#).

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2026/KDTM-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Lâm Đồng đã căn cứ các quy định của pháp luật, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh: Buộc [Công ty TNHH N](#) phải thanh toán cho bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh số tiền tương đương với giá trị 5.000kg tiêu đen xô theo giá thị trường tại thời điểm ngày 31-12-2021 là 81.000đ/kg (tám mươi một nghìn đồng trên một ký lô gam), thành tiền 405.000.000đ (bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh về việc buộc [Công ty TNHH N](#) và ông [Lê Thế T1](#), bà [Lê Thị X](#) phải liên đới trả lại cho bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh 5.000kg tiêu đen xô.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/02/2026 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn và bà [Lê Thị X](#) phải liên đới trả lại cho bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh 5.000kg tiêu đen xô. Trường hợp, Tòa án xác định đã chốt bán vào ngày 31/12/2021 thì buộc bị đơn và bà [Lê Thị X](#) phải trả lãi chậm trả tiền từ ngày 31/12/2021 đến nay theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi kháng cáo chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 400.500.000 đồng kể từ ngày 31/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2026/KDTM-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả đối với số tiền 400.500.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 31/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Xét thấy, việc thay đổi nội dung kháng cáo của người kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Do vậy, trong phạm vi xét xử phúc thẩm HĐXX chỉ xem xét lại bản án sơ thẩm theo nội dung kháng cáo đã thay đổi nêu trên quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Nguyên đơn căn cứ “*hợp đồng gửi kho*” ngày 16-3-2021 khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 5.000 kg tiêu khô đã gửi. Mặc dù về mặt hình thức đề “*hợp đồng gửi kho*”. Tuy nhiên về nội dung của hợp đồng thể hiện rõ số lượng, chất lượng hàng hóa, chủ sở hữu tài sản đã giao tài sản, thực tế bên nhận tài sản đã định đoạt số tài sản đã nhận và theo thỏa thuận bên nhận hàng sẽ thanh toán tiền cho bên giao hàng ngay sau khi bên giao hàng chốt giá bán. Như vậy, căn cứ vào chủ thể tham gia giao kết hợp đồng thì việc thỏa thuận giữa các bên đã thỏa mãn các nội dung và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 25 Luật Thương mại năm 2005. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tiêu (hàng hóa)*” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn thì thấy: Nguyên đơn cho rằng hợp đồng gửi kho ngày 16-3-2021 là hợp đồng gửi giữ tài sản nên khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại 5.000 kg tiêu khô. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định pháp luật và tập quán vùng đã xác định hợp đồng đề ngày 16-3-2021 là hợp đồng mua bán hàng hóa nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc

buộc bị đơn phải trả lại 5.000 kg như nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm là đúng.

Trong vụ án này, nếu không có chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã chốt bán thì theo quy định của pháp luật thì Tòa án sẽ quyết định buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo giá tiêu trên thị trường tại thời điểm phát sinh tranh chấp. Do cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn đã chốt bán toàn bộ 5.000 kg tiêu vào ngày 31/12/2021 nên đã buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 400.500.000 đồng tương ứng với số lượng 5.000 kg tiêu khô là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 357 Bộ luật sự để buộc bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Bởi, như nhận định tại mục [2.2], nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 5.000 kg tiêu khô, không khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền theo giá chốt bán ngày 31/12/2021. Do vậy, khi cấp sơ thẩm có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*hợp đồng mua bán tiêu*” và xác định thời điểm đã chốt bán mà đến nay bên có nghĩa vụ chưa thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật sự mới đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đồng thời giải quyết toàn diện vụ án.

Tòa án chỉ giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khi nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền cụ thể mà các bên đã thống nhất chốt giá bán.

[2.3]. Từ những nhận định, phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, Sửa một phần Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2026/KDTM-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng theo hướng buộc bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự, cụ thể: $400.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 48 \text{ tháng}$ 20 ngày (từ ngày 01-01-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 21-01-2026) = 161.886.105 đồng.

[3]. Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Về án phí.

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả được chấp nhận nên số tiền án phí được xác định lại trên tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận kháng cáo của bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh. Sửa một phần Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2026/KDTM-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 25, Điều 34, Điều 50, Điều 55 và Điều 62 Luật thương mại 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh về việc buộc [Công ty TNHH N](#), ông [Lê Thế T1](#) và bà [Lê Thị X](#) phải liên đới trả lại cho bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh 5.000kg tiêu đen xô.

1.2. Buộc [Công ty TNHH N](#) phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh số tiền 562.386.105 đồng (*Năm trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn một trăm lẻ năm đồng*), trong đó: 400.500.000 đồng tiền nợ gốc và 161.886.105 đồng tiền lãi chậm trả.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc [Công ty TNHH N](#) phải chịu 26.496.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh số tiền 8.750.000đ (*tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003018 ngày 14-10-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng*).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà [Võ Thị L](#) - Chủ hộ kinh doanh 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003161 ngày 02 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ III);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND [khu](#) vực 7- Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng